

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ - TỈNH
VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95 /2022/DS - ST

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (có mặt)

Trú tại: ấp TP, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (có mặt)

2.2. Ông Lâm Văn S, sinh năm 1964 (có mặt)

2.3. Anh Lâm Tấn Đ, sinh năm 1994

Người đại diện hợp pháp của anh Lâm Tấn Đ: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Theo giấy ủy quyền ngày 06/7/2022) (có mặt)

Cùng trú tại: ấp ThP, xã HP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Luật sư Tô Vĩnh H – Công ty luật Nhật Lý – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2022, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H có cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 650.000.000đ, có viết biên nhận, trong biên nhận chị T và con chị T là anh Lâm Tấn Đ đều có ký tên. Số tiền này là do bà H vay tiền ngân hàng về đưa cho chị T. Khi đưa tiền và khi viết biên nhận không có mặt anh Lâm Văn S, nhưng anh S có kêu bà cho gia đình trả số tiền nợ cho bà từ từ. Đây là tiền bà cho chị T mượn chứ không phải là tiền hui, chị T cũng có chơi hui do bà H làm đầu thảo, chị T còn nợ tiền hui của bà, nhưng khi giao tiền hui cho chị T, chị T không viết biên nhận cho bà do đó bà không có chứng cứ gì, nên số tiền hui bà không có khởi kiện.

Nay, bà H yêu cầu Nguyễn Thị T, Lâm Văn S và Lâm Tấn Đ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc là 650.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T và là người đại diện hợp pháp của Lâm Tấn Đ trình bày:

Từ năm 2016-2019 chị T có tham gia chơi 6 dây hui do bà Nguyễn Thị H làm chủ hui, nhưng chị không nhớ tham gia dây hui khi nào vì bà H không có giao danh sách hui, hui đã mất và chị đã hết hui rồi. Sau khi hết hui chị T có đóng hui chết cho bà H nhưng không nhớ đóng bao nhiêu, bà H có chốt nợ hui và lãi đưa cho chị nhiều giấy hui kêu chị ký tên nhưng chị không có ký tên. Năm 2019 bà H kê tiền nợ hui và tiền lãi đưa cho chị T ký vào chứ chị không có nhận tiền gì của bà H, Lâm Tấn Đ là con của chị T có ký tên vào biên nhận, nhưng chị T và anh Đ chỉ ký tên vào không có đọc nội dung biên nhận. Chị T thừa nhận biên nhận tháng 9 năm 2019 mà bà H cung cấp là chữ ký, chữ viết mực xanh là do chị T viết ra, anh Đ chỉ ký tên, ghi họ và tên.

Chị T và anh Đ không đồng ý trả cho bà H số tiền 650.000.000đồng.

Bị đơn ông Lâm Văn S trình bày: Ông S và Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, anh không biết việc chị T có vay số tiền 650.000.000đ của bà H, chỉ biết việc chị T có tham gia chơi hui do bà H làm đầu thảo, hoàn toàn không có vay tiền gì của bà H. Anh S không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa chị T đưa ra 02 tờ giấy (BL56,57) cho rằng đây là chữ viết của bà H viết ra trong đó bà H tính tiền hui, cộng với tiền lãi và kêu chị phải có nghĩa vụ trả nợ theo như trong giấy nợ.

Bà H thống nhất 02 tờ giấy (BL56,57) do chị T cung cấp tại Tòa là chữ viết do bà viết ra và bà có đưa 02 tờ giấy này cho chị T, số tiền trong 02 tờ giấy này là do chị T nợ tiền hui của bà mà không có đóng hui chết, nên bà có đi vay tiền về trả hui cho chị T và có tính tiền lãi, bà có đưa cho chị T biết để trả tiền cho bà, nhưng chị T không đồng ý, cũng không ký tên vào tờ giấy nêu trên, số tiền trong các 02 tờ giấy nêu trên là tiền hui, không liên quan đến số tiền 650.000.000đ trong biên nhận.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà H không cung

cấp chứng cứ chứng minh bà có vay tiền ngân hàng về để đưa cho chị T, trong biên nhận không có ghi rõ ngày, không có mục đích vay tiền, chị T làm nghề bán chuối chiêng khả năng trả nợ không có, nên không thể nào vay số tiền 650.000.000đ của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật TTDS. Bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật TTDS

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chứng cứ do bà H cung cấp là biên nhận tháng 9 năm 2019, thể hiện rõ việc chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Tấn Đ có vay của bà H số tiền 650.000.000đ, có chữ ký xác nhận của chị T và anh Đ, chị T thừa nhận chữ viết mực xanh trong biên nhận là do chị T viết ra, anh Đ ký xác nhận họ và tên anh Đ, do đó có đủ chứng cứ chứng minh chị T và anh Đ có vay của bà H số tiền 650.000.000đ. Chị T cho rằng đây là tiền nợ hụi và tiền lãi hụi, nhưng không đưa ra được chứng minh nên lời trình bày này là không có cơ sở.

Bà H yêu cầu anh S cùng liên đới trách nhiệm với chị T và anh Đ trả số tiền 650.000.000đ là không có cơ sở vì anh S không đồng ý, trong tờ biên nhận vay tiền anh S không có ký tên, bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của bà.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 147, 161, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Tấn Đ liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 650.000.000đồng và không tính lãi suất.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu buộc anh Lâm Văn S có nghĩa vụ liên đới cùng với chị T và anh Đ trả cho bà H số tiền 650.000.000đ

- Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị T, anh Lâm Tấn Đ chịu 30.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 4.365.600đ tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Lâm Văn S, anh Lâm Tấn Đ trả cho bà H số tiền vay gốc là 650.000.000đ và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi lẽ:

- Bà H cho chị T vay số tiền 650.000.000đ, có biên nhận vay tiền, biên nhận không rõ ngày, ghi tháng 9 năm 2019, chị Nguyễn Thị T thừa nhận chữ viết mực xanh và chữ ký tên trong biên nhận là chữ viết và chữ ký tên là của chị, anh Lâm Tấn Đ có ký tên ghi họ và tên, trong biên nhận thể hiện chị T có vay số tiền 650.000.000đ của bà H. Chị T cho rằng đây là tiền nợ hụi và tiền lãi hụi của 6 dây hụi mà chị T tham gia chơi hụi vào năm 2019 do bà H làm chủ hụi chứ không phải là tiền vay. Tại phiên tòa chị T đưa ra 02 tờ giấy (BL56,57) có chữ viết của bà H cho rằng bà H cộng tiền hụi và tiền lãi rồi đưa cho chị và kêu chị trả tiền cho bà H. Bà H thừa nhận 02 tờ giấy (BL56,57) chị T cung cấp là chữ viết của bà H, nhưng bà H trình bày đây là tiền nợ hụi mà chị T nợ của bà không liên quan đến số tiền vay 650.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy trong 02 tờ giấy (BL56,57) mà chị T cung cấp tại tòa không có cơ sở nào xác nhận số tiền 650.000.000đ là số nợ tiền hụi và tiền lãi, ngoài ra chị T không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh biên nhận tháng 9 năm 2019 là tiền hụi và tiền lãi hụi. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Tấn Đ liên đới trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 650.000.000đ.

Anh Lâm Văn S là chồng của chị Nguyễn Thị T không thừa nhận có vay tiền của bà H, trong biên nhận cũng không có chữ ký của anh S, bà H cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc anh S có vay tiền của bà, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu buộc anh Lâm Văn S có nghĩa vụ liên đới cùng với chị T và anh Đ trả cho bà H số tiền 650.000.000đ

Về chi phí giám định: Buộc chị T chịu toàn bộ chi phí là 4.365.600đ, chị T đã nộp tạm ứng đầy đủ, nên không phải nộp thêm

[3] Về án phí: Buộc chị T và anh Đ phải chịu 30.000.000đ tiền án phí DSST.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T là không có cơ sở chấp nhận vì lẽ yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh nguyên đơn có vay tiền ngân hàng về đưa cho chị T, trong khi đó chị T thừa nhận chị có viết và ký tên trong biên nhận vay tiền, trong biên nhận đã thể hiện rõ số tiền bà H cho chị T và anh Đ vay của bà H.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 161, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Buộc chị Nguyễn Thị T, Lâm Tấn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H kiện đòi anh Lâm Văn S có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Nguyễn Thị T và anh Lâm Tấn Đ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 650.000.000đ.

2. Về chi phí giám định: Buộc chị T chịu toàn bộ chi phí là 4.365.600đ, chị T đã nộp tạm ứng đầy đủ, nên không phải nộp thêm

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T, Lâm Tấn Đ phải chịu 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú